

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DS-PT

Ngày: 17-12-2021

V/v Tranh chấp chia di sản  
thừa kế và đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Bà Lương Hải Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc *Tranh chấp chia di sản thừa kế và đòi tài sản*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88/2021/QĐ-PT ngày 26/11/2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 08 ngày 13/12/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1958; Địa chỉ: H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

**2. Bị đơn:** Ông Hoàng Đức D, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn V, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Đức D:* Ông Hoàng Đức V1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn V, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Cụ Phạm Thị C, sinh năm 1932; Địa chỉ: H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện theo ủy quyền của cụ Phạm Thị C:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1958; Địa chỉ: H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

#### **4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

4.1. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1962.

4.2. Bà Hoàng Thị C1, sinh năm 1963

4.3. Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1965

4.4. Bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1968

Đều có địa chỉ tại: Thôn V, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

4.5. Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn D1, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà C1, bà L1, bà H2, bà K:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1958; Địa chỉ: H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

4.6. Ông Hoàng Đức T2, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu phố T3, thị trấn T4, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

4.7. Ông Hoàng Đức S, sinh năm 1979; Địa chỉ: Trạm quản lý đường thủy Đ1, khu X, phường X1, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Ninh.

4.8. Ông Hoàng Đức C2, sinh năm 1977;

4.9. Ông Hoàng Đức X2, sinh năm 1983.

4.10. Bà Lại Thị M1, sinh năm 1975.

Đều có địa chỉ tại: Thôn V, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

4.11. Cụ Hoàng Đức T5, sinh năm 1934; Địa chỉ: thôn V, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình

4.12. Cụ Hoàng Đức T6, sinh năm 1935; Địa chỉ: khu 5, thị trấn H3, huyện L2, tỉnh Phú Thọ.

4.13. Cụ Đặng Thị S1, sinh năm 1949; Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ hiện nay: Khu phố T3, thị trấn T4, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

#### **5. Những người khác được Tòa án triệu tập đến phiên tòa:**

5.1 Ông Hoàng Bá K1 (tên gọi khác là Hoàng Đức K1), sinh năm 1947.

5.2 Ông Hoàng Đức T7, sinh năm 1953.

5.3 Ông Hoàng Đức V2, sinh năm 1959.

5.4 Ông Hoàng Đức T8, sinh năm 1978.

5.5 Ông Hoàng Đức D2, sinh năm 1957.

5.6 Ông Hoàng Đức V1, sinh năm 1973.

Đều trú tại: thôn V, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

5.7 Ông Hoàng Đức X3, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn T9, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

**6. Người kháng cáo:** Bà Hoàng Thị T; cụ Hoàng Đức T5 và các ông Hoàng Đức X2, Hoàng Đức C2, Hoàng Đức V1, Hoàng Bá K1, Hoàng Đức T7, Hoàng Đức V2, Hoàng Đức T8, Hoàng Đức D2, Hoàng Đức X3.

*(Bà T, bà M, bà H2, ông V1, ông C2, bà M1, cụ T5, ông K1, ông T7, ông V2, ông X3 có mặt tại phiên tòa, các đương sự khác vắng mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**\* Nguyên đơn - bà Hoàng Thị T trình bày:** Bố mẹ bà là cụ Hoàng Đức C3 và cụ Phạm Thị C kết hôn ngày 21/11/1955, có 7 người con chung là ông Hoàng Đức T10 (sinh năm 1956, chết khi còn nhỏ, chưa có vợ con), bà T và các bà M, bà C1, bà L1, bà H2, bà K. Năm 1978, cụ C3 đưa vợ hai là cụ Đặng Thị S1 về sinh sống cùng nhà với mẹ con bà; sau đó khoảng 5 tháng thì cụ C3, cụ S1 cùng các con của cụ C3, cụ S1 ra chùa ở; còn cụ C và 6 chị em bà vẫn sinh sống tại ngôi nhà gỗ lim 3 gian được chia trong cải cách ruộng đất cho đến khi lấy chồng. Cụ C3, cụ S1 có 5 người con là ông D, ông C2, ông T2, ông S, ông X2. Năm 1996, cụ C3 và cụ C mâu thuẫn, cụ C làm đơn xin ly hôn cụ C3. Bản án ly hôn sơ thẩm số 02/ST ngày 22/01/1997 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy (sau đây viết tắt là bản án 02/ST) đã giải quyết ly hôn và chia tài sản chung. Cụ C3, cụ C khi đó đang quản lý: Ngôi nhà 3 gian giàn gỗ lim, 01 sân gạch, 01 bể nước, 01 bức tường, giếng nước, nhà tắm, bếp, chuồng lợn, nhà vệ sinh (hiện chỉ còn ngôi nhà 3 gian giàn gỗ lim và giếng nước). Cụ C3 còn có 01 ngôi nhà ngói 3 gian cấp 4 do cụ xây dựng trước khi ly hôn, hoàn thành sau khi ly hôn.

Nguồn gốc nhà đất: Tháng 3/1956, thực hiện cải cách ruộng đất, Nhà nước thu nhà của địa chủ sau đó chia quả thực cho cụ C3, cụ C, cụ T5, cụ T6 ngôi nhà 3 gian giàn gỗ lim xây dựng trên thửa đất tại thôn V, xã T11 (nay là xã H1), huyện T1 (theo bản đồ 299 là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3 có diện tích 226m<sup>2</sup>; theo bản đồ đo đạc năm 2017, 2019 là thửa số 105, tờ bản đồ số 14 có diện tích là 314,8m<sup>2</sup>). Thời điểm đó, cụ C là y tá, cụ C3 là du kích và cụ T5, cụ T6 đều đi bộ đội, là hộ gia đình chính sách nên được chia nhà đất. Cụ C, cụ C3 sử dụng gian giữa để bàn thờ và bàn ghế (cụ C3 chỉ thờ cúng bố mẹ, từ năm 1970 mới cúng tổ tại nhà này), 02 gian bên cạnh là nơi ngủ, cả nhà sinh hoạt tại 3 gian nhà được chia này. Theo tài liệu địa chính 299 thì tên người sử dụng thửa đất là cụ C, theo tài liệu bản đồ đo đạc năm 2017 thì ghi tên cụ C3, cụ C. Cụ C

đóng thuế sử dụng đất hàng năm. Năm 1997, khi xét xử vụ án ly hôn giữa cụ C, cụ C3 thì ngôi nhà có đặc điểm là ngôi nhà ngói 3 gian, giàn gỗ lim, hiên vòm kiểu Pháp, thêm cao 1 cấp; đến năm 2006, cụ C3 nâng thêm nhà thành 5 cấp.

Bản án số 02/ST đã chia tài sản như sau: Về đất: Chia cho cụ C phần đất phía Nam; chia chung cho cụ C3, cụ T5, cụ T6 phần đất phía Bắc; Ranh giới giữa hai phần đất được xác định theo ranh giới kéo từ Đông sang Tây từ cột sau đến cột trước của gian nhà số một; điểm mốc phía Tây của sân cách nhà ông H4 (nay là nhà bà N1) 3,3m. Phần đất phía Nam chia cho cụ C có diện tích khoảng 134,8m<sup>2</sup> có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất chia cho cụ C3, cụ T5, cụ T6 dài 24,87m; Phía Nam giáp nhà bà N1 (nhà ông H4 cũ) dài 23,76m; Phía Tây giáp ngõ xóm dài 3,6m; Phía Đông giáp nhà ông N2 dài 7,61m. Phần đất phía Bắc chia chung cho cụ C3, cụ T5, cụ T6 có diện tích khoảng 180m<sup>2</sup> có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà bà H5 dài 25,4m; Phía Nam giáp đất cụ C được chia dài 24,87m; Phía Tây giáp ngõ xóm dài 6,9m; Phía Đông giáp nhà ông H6 dài 7,4m. Về tài sản trên đất: Ngôi nhà 03 gian giàn gỗ lim chia làm hai phần, trong đó cụ C được chia 02 gian nhà (có 02 hàng xà cột, 02 bộ cửa ra vào (mỗi bộ cửa gồm 04 cánh cửa và 01 khung cửa); 01 cửa sổ) và phần sân, bể giếng, nhà tắm. Cụ C3, cụ T5, cụ T6 được chia chung 01 gian nhà xây lợp ngói dàn gỗ lim (có 02 hàng xà cột (trong đó 01 hàng xà cột ranh giới); có 01 bộ cửa ra vào (gồm 04 cánh cửa và 01 khung cửa); 01 cửa sổ; 01 cửa hông có 01 cánh; chuồng lợn, nhà vệ sinh và phần sân. Di sản của cụ C3 còn có 01 ngôi nhà ngói 3 gian cấp 4 (vợ chồng ông D sử dụng từ năm 1997 đến nay).

Khi cụ C, cụ C3 ly hôn thì chị em bà đều đã có chồng, sống ở nơi khác. Vì thế, sau khi ly hôn thì cụ C tiếp tục sinh sống tại nhà được giao đến tháng 3/1997; rồi vào Nha Trang sinh sống cùng bà. Năm 1999 thì cụ trở về nhưng ông D không cho vào ở nên cụ phải đến sinh sống tại nhà bà M (em gái bà); sau đó tiếp tục đến sinh sống cùng bà. Sau ngày 08/08/2001, cụ C không có nhà ở nên phải vào Nha Trang sinh sống với bà cho đến nay. Sau khi cụ C, cụ C3 ly hôn thì ông D cưới vợ và sinh sống tại đây (khi này cụ C vẫn ở đó). Cụ C3, cụ S1 cùng những người con trai khác vẫn ở chùa, sau này cụ C3 chết ở chùa.

Ngày 06/11/2017, cụ C3 chết, không để lại di chúc. Nay bà yêu cầu: Chia di sản của cụ C3 để lại theo pháp luật cho 11 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C3 là bà, bà M, bà C1, bà L1, bà H2, bà K, ông D, ông C2, ông T2, ông S, ông X2. Di sản thừa kế của cụ C3 là phần tài sản của cụ C3 được chia chung với cụ T5, cụ T6 theo bản án số 02/ST (mỗi cụ 1/3) và 01 ngôi nhà ngói 3 gian cấp 4 nêu trên. Như vậy di sản thừa kế cụ C3 gồm: 60m<sup>2</sup> đất; 1/3 của 01 gian nhà và 01 hàng xà cột ranh giới; 01 ngôi nhà ngói 3 gian cấp 4 diện tích khoảng 45m<sup>2</sup>. Bà không yêu cầu đối với các tài sản đã bị phá dỡ. Di sản thừa kế của cụ C3 do ông D quản lý. Bà đề nghị được nhận hiện vật, bà sẽ thanh toán tiền cho

các đồng thừa kế theo giá do Hội đồng định giá xác định. Bà đồng ý nhận các phần được chia của các bà M, bà C1, bà L1, bà H2, bà K; sẽ chịu các quyền nghĩa vụ đối với phần tài sản được chia đó.

**\* Bị đơn – ông Hoàng Đức D và Người đại diện theo ủy quyền của ông D là ông Hoàng Đức V1 trình bày:** Trước đây, ba anh em cụ C3, cụ T5, cụ T6 cư trú tại ngôi nhà tre 3 gian lợp cỏ, 01 nhà bếp trên 10 thước đất của dòng họ Hoàng Đức xây dựng để thờ cúng. Trong các năm 1952, 1953, cụ T5, cụ T6 đi bộ đội. Tháng 4 năm 1955, địa phương thực hiện cải cách ruộng đất, đội giảm tô và chính quyền địa phương đã thỏa thuận với dòng họ Hoàng Đức đổi 3 gian từ đường trên 10 thước đất; họ Hoàng Đức nhận 03 gian nhà ngói gỗ lim và 10 thước đất thu hồi của địa chủ. Dòng họ chuyển bát hương và đồ thờ về ngôi nhà ngói gỗ lim này, giao cho cụ C3 trông nom. Từ năm 1955 đến 1962, họ sửa chữa lần thứ nhất; đến năm 2006 đại tu lần hai. Trải qua mấy chục năm dòng họ cúng tổ tại từ đường và đất này, một năm chạp tổ hai lần. Cụ T6, cụ T5 tự nguyện hiến cúng phần ưu tiên của mình để làm nơi thờ cúng. Năm 1996 dòng họ giao cho ông D trông nom từ đường. Năm 1997, khi giải quyết ly hôn giữa cụ C và cụ C3, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy không xem xét tình tiết cụ thể mà đưa nhà đất của dòng họ vào để phân chia tài sản khi ly hôn. Cụ C3, cụ T5, cụ T6 và hội đồng tộc họ có đơn kháng cáo, khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền trong tỉnh đối với bản án 02/ST. Ngày 14/05/1997, Tòa án tỉnh Thái Bình có công văn số 337 khuyên cụ C3 chấp hành án; họ tộc không đồng ý, tiếp tục khiếu nại. Sau khi có bản án 02/ST, đội thi hành án huyện Thái Thụy nhiều lần thi hành án nhưng không thành. Năm 2001, trong cuộc họp tại Ủy ban nhân dân xã T11 (nay là xã H1) về thi hành bản án trên, cụ C3 đã mời cụ C về ở cùng với các con cụ C3 nhưng cụ C không đồng ý. Cuộc họp đã yêu cầu UBND xã T11 tìm nơi ở mới cho cụ C. Cũng từ đó, cụ C vào miền Nam sống cùng con gái. Khi cụ C3 ốm, cụ không về từ đường để chết vì đó không phải nhà đất của cụ. Sau khi cụ C3 chết, dòng họ thờ cụ ở gian bên cạnh vì cụ là trưởng họ. Nhà từ đường và đất là của dòng họ; công trình trên đất (ngôi nhà ngói 3 gian cấp 4, ngôi nhà mái bằng 3 gian, bếp, bể nước, chuồng lợn, tường vây, cổng) là do vợ chồng ông D xây dựng. Việc Tòa án yêu cầu vợ chồng ông D bà M1 trình bày quá trình xây dựng các công trình của ông bà là phi lý nên ông D, bà M1 phản đối, không trình bày, không kê khai. Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và của cụ C.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - cụ Phạm Thị C và Người đại diện theo ủy quyền là bà Hoàng Thị T trình bày:**

Cụ C yêu cầu ông D trả lại phần tài sản mà cụ C được chia theo bản án 02/ST gồm: Phần đất cụ được chia ở phía Nam thửa đất, diện tích khoảng 134,8m<sup>2</sup> có tứ cận: Phía Bắc dài 24,87m giáp phần đất chia cho cụ C3, cụ T5, cụ

T6; Phía Nam dài 23,76m giáp nhà bà N1 (nhà ông H4 cũ); Phía Tây dài 3,6m giáp ngõ xóm; Phía Đông dài 7,61m giáp nhà ông N2; tài sản trên đất có 02 gian nhà xây lợp ngói dàn gỗ lim có 02 hàng xà cột, 02 bộ cửa ra vào và 01 cửa sổ, ở nửa phía Nam của thửa đất; Theo bản án số 02/ST trên đất có phần sân, bể giếng, nhà tắm, do bể, nhà tắm hiện nay không còn nên cụ C không yêu cầu.

**\* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà M, bà C1, bà L1, bà H2, bà K** nhất trí toàn bộ ý kiến trình bày của Nguyên đơn. Các bà đề nghị giao toàn bộ phần được thừa kế của mình cho bà T, bà T sẽ chịu các quyền, nghĩa vụ đối với phần tài sản được chia thừa kế của các bà.

**\* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà M1, ông C2, ông S, ông X2, cụ T5 và các ông là người họ Hoàng Đức gồm ông H7, ông K1, ông T7, ông X3, ông V2, ông T8, ông D2, ông V1** trình bày như ý kiến trình bày của bị đơn và xác định: Nhà từ đường và đất là của dòng họ; công trình khác xây dựng trên đất là của vợ chồng ông D, bà M1; phản đối bản án 02/ST; từ chối trình bày quá trình và chi phí sửa chữa, đại tu từ đường; không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu đòi tài sản của cụ C. Tại phiên tòa sơ thẩm, cụ T5 có ý kiến giao cho ông D quản lý phần tài sản của cụ.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ T6 trình bày:** Phần đất đang tranh chấp là đất ông cha để lại cho 03 anh em cụ là cụ C3, cụ T5, cụ T6; phần của cụ thì giao cho ông D. Cụ mong muốn để lại toàn bộ nhà đất làm từ đường. Cụ đề nghị vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và xét xử vụ án.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T2 trình bày:** Cụ C3 chết năm 2017, hàng thừa kế của cụ C3 có bà T, bà M, bà C1, bà L1, bà H2, bà K, ông D, ông C2, ông T2, ông S, ông X2. Ông không có ý kiến gì về nội dung sự việc mà bà T trình bày, không giao nộp tài liệu chứng cứ gì. Ông không đồng ý chia thừa kế; trường hợp chia thừa kế thì phần của ông sẽ giao lại cho ông D quản lý sử dụng; đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ S1 trình bày:** Cụ và cụ C3 chung sống với nhau từ năm 1973, không đăng ký kết hôn. Năm 1979, cụ C3 đưa cụ về sinh sống trên thửa đất hiện đang tranh chấp, ba tháng sau thì chuyển đến ở tại chùa N3. Cụ không sinh sống cùng vợ chồng ông D mà chỉ có cụ C sinh sống cùng vợ chồng ông D trên đất có tranh chấp. Nguồn gốc đất là của anh em cụ C3, cụ T5, cụ T6; trên thửa đất có 02 ngôi nhà. Chữ ký và dòng chữ "Đặng Thị S1" trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 12/09/2017 là do cụ ký; vì khi đó cụ C3 đã chết nên cụ ký vào văn bản trên. Cụ và cụ C3 có 5 người con chung là ông D, ông C2, ông T2, ông S và ông X2. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ

C3 phải có cụ vì cụ là vợ cụ C3. Cụ không đồng ý với yêu cầu của cụ C, bà T, không đồng ý chia thừa kế mà để nhà đất làm từ đường. Cụ không cung cấp chứng cứ và đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

**\* Các ông bà: ông H6, ông N2, bà H5, bà N1** (là các chủ sử dụng đất liền kề thừa đất có tranh chấp) đều trình bày các ông bà không liên quan, đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án.

**\* Tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 105**, tờ bản đồ địa chính số 14, tại thôn V, xã T11 (nay là xã H1) thì: Diện tích thửa đất: 314,8m<sup>2</sup> trong đó đất ở nông thôn 226,0m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 88,8m<sup>2</sup>; có tứ cận: Phía Bắc giáp hai thửa đất: Thửa số 90 (đất ông H6) dài 1,11m và thửa đất số 106 (đất bà H5) có nhiều đoạn, chiều dài lần lượt là 6,55m; 7,48m; 9,75m; 0,51m (điểm 22 đến 21). Phía Tây giáp thửa đất 106 (đất bà H5) có chiều dài các đoạn lần lượt là 0,46m (điểm 21 đến 20); 0,71m; 4,84m và giáp đường ngõ xóm dài 4,95m. Phía Nam giáp hai thửa đất: Thửa số 124 (đất bà N1) có các đoạn lần lượt dài: 4,31m (điểm 17 đến 16); 11,01m và 5,66m và số 104 (đất UBND xã quản lý) có các đoạn dài lần lượt là: 1,97m; 0,97m; 1,46m; 0,77m; 4,68m. Phía Đông giáp hai thửa đất: Thửa số 103 (đất ông N2) có chiều dài các đoạn lần lượt là 0,35m 0,33m; 1,89m; 2,72m; 1,11m 0,78m và thửa số 90 (đất ông H6) có chiều dài các đoạn là 1,87m; 7,4m. (Số liệu đo đạc theo dự án: Đo đạc bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã T11, huyện T1 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình thực hiện tháng 9/2017).

**\* Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:** Thửa đất 105, tờ bản đồ số 14 tại thôn V, xã H1 có diện tích 314,8m<sup>2</sup> trong đó: đất ở nông thôn 226m<sup>2</sup> x 700.000 đồng/m<sup>2</sup> = 158.200.000 đồng; đất trồng cây lâu năm 88,8m<sup>2</sup> x 61.900 đồng/m<sup>2</sup> = 5.496.000 đồng; cộng: 163.696.000 đồng. Các tài sản và công trình trên đất: Nhà gỗ lim 3 gian xây dựng trước năm 1955, giá trị: 400.000.000 đồng. Nhà ngói 3 gian cấp 4 có giá trị còn lại: 3.537.785 đồng. Việc xác định giá trị ngôi nhà gỗ lim là ước tính, không đủ cơ sở xác định giá trị từng gian. Phần đất giao cho cụ C3, cụ T5, cụ T6 theo bản án 02/ST có diện tích 192,2m<sup>2</sup>; phần đất giao cụ C có diện tích 122,6m<sup>2</sup>. Trên phần đất 192,2m<sup>2</sup> có các tài sản do vợ chồng ông D gồm: 01 ngôi nhà mái bằng 03 gian; 01 bụi hoa mẫu đơn phía trước nhà gỗ lim vị trí gần nhà mái bằng (sau đây viết là bụi hoa mẫu đơn phía Bắc); 01 bể nước; Công trình phụ (gồm bếp, chuồng lợn, nhà vệ sinh); Nhà tắm; Sân gạch; 01 trụ cổng phía Bắc và tường dậu.

**\* Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình** đã áp dụng Điều 210, 212, 611, 612, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự; Điều 143 Luật Đất đai; Khoản 2

Điều 227, Điều 228, điểm g khoản 1 Điều 217, điểm c khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn là bà Hoàng Thị T về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Hoàng Đức C3.**

- Xử chia cho ông Hoàng Đức D quyền sở hữu, quyền sử dụng di sản do cụ Hoàng Đức C3 để lại và quyền sử dụng đất, tài sản trên đất của cụ Hoàng Đức T5, cụ Hoàng Đức T6 gồm: Phần đất về phía Bắc của thửa đất số 105, tờ bản đồ số 14, thôn V, xã T11 (nay là xã H1) có diện tích 192,2m<sup>2</sup> và 01 gian nhà xây lợp ngói dàn gỗ lim; và 01 ngôi nhà ngói 03 gian cấp 4. Đặc điểm 01 gian nhà xây lợp ngói giàn gỗ lim: Có 02 hàng xà cột (trong đó 01 hàng xà cột ranh giới), có 01 bộ cửa ra vào (gồm 04 cánh cửa và 01 khung cửa); có 01 cửa sổ; có 01 cửa hông có 01 cánh. Đặc điểm phần đất diện tích 192,2m<sup>2</sup> có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 90 (đất ông Hoàng Đức H6) và giáp thửa đất số 106 (đất bà Bùi Thị H5): phần phía Bắc giáp thửa đất số 90 dài 1,11m; phần phía Bắc giáp thửa đất số 106 có chiều dài các đoạn lần lượt là 6,55m; 7,48m; 9,75m; 0,51m (điểm 22 đến 21). Phía Tây giáp thửa đất 106 và giáp đường ngõ xóm: Phần phía Tây giáp thửa đất 106 có chiều dài các đoạn lần lượt là 0,46m (điểm 21 đến 20); 0,71m; 4,84m; phần phía Tây giáp ngõ xóm dài 1,24m. Phía Nam giáp phần đất cụ C theo bản án số 02/ST ngày 22- 01- 1997 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy có chiều dài các đoạn lần lượt là 17,96m; 6,04m và 1,08m. Phía Đông giáp thửa đất số 90 dài 7,40m. Tổng giá trị tài sản ông D nhận hiện vật là 253.492.766 đồng.

- Các tài sản do vợ chồng ông Hoàng Đức D, bà Lại Thị M1 xây dựng trên phần đất 192,2m<sup>2</sup> gồm: 01 ngôi nhà mái bằng 03 gian; 01 bụi hoa mẫu đơn phía Bắc; 01 bể nước; Công trình phụ (Bếp, chuồng lợn, nhà vệ sinh); Nhà tắm; Sân gạch; 01 trụ cổng phía Bắc và tường dậu. *(Có sơ đồ kèm theo).*

- Ông D phải thanh toán cho cụ T5, cụ T6 mỗi cụ số tiền 83.318.327 đồng;

- Ông D phải thanh toán cho bà T số tiền 45.446.364 đồng là giá trị phần thừa kế của bà T, bà M, bà C1, bà L1, bà H2, bà K.

- Ông D phải thanh toán cho ông C2, ông T2, ông S, ông X2 mỗi ông 7.574.394 đồng.

**2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cụ Phạm Thị C về yêu cầu đòi tài sản đối với số tài sản được chia khi ly hôn theo bản án số 02/ST ngày 22/01/1997 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy mà ông Hoàng Đức D đang quản lý, sử dụng.**

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.



**\* Về kháng cáo của các đương sự:**

Ngày 04/11/2020 bà Hoàng Thị T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, bà đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giao cho bà được hưởng thừa kế bằng hiện vật.

Ngày 11/11/2020, cụ Hoàng Đức T5, ông Hoàng Đức V1, ông Hoàng Đức C2, ông Hoàng Đức X2, Hoàng Đức X3, ông Hoàng Đức T8, ông Hoàng Đức T7, ông Hoàng Đức D2, ông Hoàng Đức V2, ông Hoàng Bá K1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xác định nhà đất là từ đường của dòng họ Hoàng Đức, không phải của cụ C3, cụ C.

**\* Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm:**

Ngày 17/02/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, phiên tòa mở ngày 12/3/2021. Tuy nhiên, do ông Hoàng Đức S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa ngày 18/3/2021. Tại phiên tòa ngày 18/3/2021, do bà T trình bày rõ về yêu cầu kháng cáo của bà bao gồm kháng cáo việc chia di sản thừa kế của cụ C3 (bà xin được nhận di sản bằng hiện vật và đề nghị phân chia thừa kế đối với khoản tiền 3.000.000 đồng mà cụ C3 được cụ C thanh toán theo bản án số 02/ST) và kháng cáo cả về việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kiện đòi tài sản của cụ C. Vì vậy Hội đồng xét xử đã Quyết định ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ, đề nghị Cục thi hành dân sự tỉnh Thái Bình cho biết ý kiến về việc đã thi hành xong bản án số 02/ST theo yêu cầu của cụ C chưa? Hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa mà chưa có văn bản trả lời của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, ngày 18/4/2021 Tòa án ban hành Quyết định tạm đình chỉ vụ án số 01/2021/QĐ-PT để đợi kết quả thu thập chứng cứ. Ngày 07/5/2021, Tòa án nhận được văn bản trả lời của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình về nội dung theo yêu cầu của Tòa án. Ngày 10/5/2021, Tòa án đã ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và đã làm việc với người đại diện của nguyên đơn, người đại diện của bị đơn thông báo kết quả thu thập chứng cứ. Ngày 21/5/2021 đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định thời gian xét xử vụ án vào ngày 09/6/2021. Tuy nhiên ngày 28/5/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình nhận được Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 17/2021/KN-DS của Chánh án Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Hà Nội đối với Quyết định phúc thẩm số 01/2019/QĐ-PT ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Quyết định phúc thẩm bị kháng nghị nêu trên đã giải quyết kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Kiện đòi tài sản của cụ C đối với ông D về tài sản cụ C được chia theo bản án số 02/ST. Vì vậy ngày 07/6/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐ-PT để đợi kết quả giải quyết của cấp giám đốc thẩm. Ngày 23/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình nhận được Quyết định

giám đốc thẩm số 55/2021/DS-GĐT ngày 14/9/2021 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, ngày 25/11/2021 Tòa án đã ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 05/2021/QĐ-PT, ngày 26/11/2021 Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, do những lý do khách quan nêu trên nên vụ án kéo dài.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/12/2021:**

Nguyên đơn bà Hoàng Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Đề nghị Tòa án chia thừa kế của cụ Hoàng Đức C3 đối với di sản là nhà đất mà cụ C3 được chia và số tiền 3.000.000 đồng mà cụ C có nghĩa vụ thanh toán cho cụ C3 theo quyết định của bản án số 02/ST.

Bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà kháng cáo xin được nhận di sản của cụ C3 bằng hiện vật và giữ nguyên kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử yêu cầu kiện đòi tài sản của cụ C.

Đại diện của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và cụ C, xác định nhà đất là nhà thờ của dòng họ Hoàng Đức.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2020/SD-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, chuyển hồ sơ cho Tòa án huyện Thái Thụy giải quyết lại vụ án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

**[1.1]** Kháng cáo của bà Hoàng Thị T; ông Hoàng Đức V1 (đại diện cho bị đơn kháng cáo), cụ Hoàng Đức T5, ông Hoàng Đức C2, ông Hoàng Đức X2 gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định là hợp lệ. Cụ T5 là người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, còn bà T, ông V1, ông C2, ông X2 đã

thực hiện nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, vì vậy kháng cáo là hợp lệ, được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

**[1.2]** Đối với kháng cáo của ông Hoàng Đức X3, ông Hoàng Đức T8, ông Hoàng Đức T7, ông Hoàng Đức D2, ông Hoàng Đức V2, ông Hoàng Bá K1, ông Hoàng Đức V1 (với tư cách người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Đức H7), xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Hoàng Đức H7 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì Bị đơn trình bày Nhà tù đường và đất là của dòng họ Hoàng Đức. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn và ông H7 chưa xuất trình chứng cứ chứng minh đó là tài sản của dòng họ Hoàng Đức. Bản án số 02/ST đang có hiệu lực pháp luật. Cụ T5 có trình bày cụ thể cho dòng họ Hoàng Đức phần tài sản của cụ được sở hữu chung cùng cụ C3, cụ T6, tuy nhiên trình bày của cụ T5 cũng không nhất quán, có lúc cụ trình bày toàn bộ diện tích đất và nhà thờ là tài sản của dòng họ Hoàng Đức chứ không phải của cụ C3, cụ T5, cụ T6, cũng có lúc cụ trình bày cụ có một phần trong khối tài sản đó và hiến cho dòng họ Hoàng Đức. Mặt khác, dù cụ T5 có xác định hiến phần tài sản của cụ cho dòng họ Hoàng Đức, nhưng tài sản đó là quyền sử dụng đất - là một loại tài sản đặc biệt, khi chuyển quyền sử dụng phải tuân theo những quy định pháp luật. Giữa cụ T5 và dòng họ Hoàng Đức chưa làm bất cứ thủ tục gì liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất cụ được chia theo bản án số 02/ST. Vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Hoàng Đức H7 (người đại diện của dòng họ Hoàng Đức) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận việc ủy quyền của ông H7 cho ông X3, ông T8, ông T7, ông D2, ông V2, ông K1, ông V1 tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm và quyết định ông H7 và những người đại diện theo ủy quyền của ông H7 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là không đúng quy định Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặt khác, theo giấy ủy quyền ngày 22/10/2020 của ông Hoàng Đức H7 thì ông H7 chỉ ủy quyền cho ông X3, ông T8, ông T7, ông D2, ông V2, ông K1 tại phiên tòa sơ thẩm mà không ủy quyền kháng cáo bản án. Sau phiên tòa sơ thẩm, ông H7 cũng không có văn bản ủy quyền nào khác. Vì vậy ông X3, ông T8, ông T7, ông D2, ông V2, ông K1, ông V1 không có quyền kháng cáo bản án với tư cách người đại diện của ông H7. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiếp nhận đơn kháng cáo của ông X3, ông T8, ông T7, ông D2, ông V2, ông K1, ông V1 và thông báo tới những người kháng cáo về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, đã làm thủ tục kháng cáo đối với ông X3, ông T8, ông T7, ông D2, ông V2, ông K1, ông V1 - là không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 141 Bộ luật Dân sự, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/3/2021, bà Hoàng Thị T trình bày ông Hoàng Đức H7 đã chết ngày 11/01/2021 và cung cấp giấy chứng tử của ông H7. Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 140 Bộ luật Dân sự, việc ủy quyền của ông H7 cho ông X3, ông T8, ông T7, ông D2, ông V2, ông K1, ông V1 đương nhiên chấm dứt.

Do việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông H7 vào tham gia tố tụng và làm thủ tục kháng cáo đối với kháng cáo của ông X3, ông T8, ông T7, ông D2, ông V2, ông K1, ông V1 là không đúng quy định như đã nêu trên, vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại ông H7 không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H7 cũng như không đưa ông X3, ông T8, ông T7, ông D2, ông V2, ông K1, ông V1 vào tham gia tố tụng tại giai đoạn xét xử phúc thẩm; Không xét kháng cáo của ông X3, ông T8, ông T7, ông D2, ông V2, ông K1, ông V1 với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông H7. Cần trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông X3, ông T8, ông T7, ông V2 đã nộp.

[1.3] Bà C1, bà H2, bà L1, bà K, cụ C đã ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng. Ông D đã ủy quyền cho ông V tham gia tố tụng. Cụ S1, cụ T6, ông T2, ông S, ông X2 đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự trên tại phiên tòa.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của bố đẻ là cụ Hoàng Đức C3, đối với những tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của cụ C3 đã được xác định tại bản án số 02/ST. Theo bản án số 02/ST thì cụ C3 có quyền sử dụng, sở hữu chung nhà đất được chia với cụ Hoàng Đức T5, Hoàng Đức T6 và quyền sở hữu số tiền cụ Phạm Thị C phải thanh toán cho cụ C3 là 3.000.000 đồng. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ về yêu cầu của các đương sự trong vụ án đối với tài sản là số tiền cụ C phải thanh toán cho cụ C3.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày: bà yêu cầu chia thừa kế cả số tiền 3.000.000 đồng mà cụ C3 được hưởng theo bản án số 02/ST, cụ C sẽ trả cho những người thừa kế của cụ C3 3.000.000 đồng cùng tiền lãi suất từ tháng 01/1997 đến nay để giải quyết dứt điểm mọi quyền và nghĩa vụ liên quan giữa cụ C, cụ C3, cũng như giải quyết dứt điểm mọi vấn đề liên quan đến tài sản giữa các con của cụ C3.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết về di sản này của cụ C3 là không làm rõ, không giải quyết triệt để các yêu cầu của đương sự.

[2.2] Cụ Phạm Thị C yêu cầu độc lập trong vụ án, yêu cầu Tòa án buộc ông D trả lại cụ C tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của cụ được

chia theo bản án số 02/ST do ông D hiện đang quản lý. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ án lệ số 38/2020/AL (được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 13/8/2020 và công bố tại Quyết định số 276/QĐ-CA ngày 02/10/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao) về việc không thụ lý yêu cầu đòi tài sản được chia bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, để xác định yêu cầu đòi tài sản của cụ C thuộc trường hợp “Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án”, từ đó quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của cụ C là không đúng tình huống án lệ và giải pháp pháp lý được nêu tại án lệ số 38/2020/AL. Như vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của cụ C là không có căn cứ pháp luật.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 55/2021/DS-GĐT ngày 14/9/2021 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã xác định việc cụ C khởi kiện đòi lại tài sản được chia theo bản án số 02/ST là yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, vì vậy đã quyết định hủy Quyết định phúc thẩm số 01/2019/QĐ-PT ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2019/QĐST-DS ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 30/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 24/2021/TLST-DS để giải quyết vụ án nêu trên.

Như vậy, yêu cầu kiện đòi tài sản của cụ C hiện nay đang được giải quyết theo hai trình tự tố tụng, vừa giải quyết theo trình tự phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, vừa giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm tại Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Xét thấy một yêu cầu của đương sự không thể cùng được Tòa án thụ lý giải quyết ở hai vụ án với hai giai đoạn tố tụng khác nhau.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, cần trả lại tạm ứng án phí phúc thẩm mà người kháng cáo đã nộp.

Trả lại tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông X3, ông T8, ông T7, ông V2 đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1] Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại bà T, ông V1, ông C2, ông X2, ông X3, ông T8, ông T7, ông V2 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm các ông, bà đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Bà T biên lai số 0002439 ngày 05/11/2020; ông V1 biên lai số 0002448 ngày 11/11/2020; ông C2 biên lai số 0002454 ngày 12/11/2020; ông X2 biên lai số 0002450 ngày 12/11/2020; ông X3 biên lai số 0002449 ngày 11/11/2020; ông T8 biên lai số 0002453 ngày 12/11/2020; ông T7 biên lai số 0002447 ngày 11/11/2020; ông V2 biên lai số 0002452 ngày 12/11/2020;)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 17/12/2021.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thanh Bình**